

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số nội dung thuộc tiêu chí số 15 về cảnh quan, môi trường và an toàn thực phẩm của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020

Căn cứ Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới kiểm mẫu tỉnh Sơn La giai đoạn 2019 – 2020;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung quy định chỉ tiêu số 11.3 thuộc tiêu chí số 11 - về Hình thức tổ chức sản xuất và các chỉ tiêu số 15.1, 15.2, 15.4, 15.5, 15.6, 15.7 thuộc tiêu chí số 15 - về Cảnh quan, môi trường và an toàn thực phẩm của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020, ban hành tại Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện các tiêu chí 15.2. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, 15.4. Lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đúng quy định, 15.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường như sau:

I. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, đăng ký đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao trong phạm vi tỉnh Sơn La và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại địa bàn tỉnh Sơn La.

II. Việc đánh giá, tính toán, thực hiện các chỉ tiêu

1. Chỉ tiêu 15.2: Xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp

1.1. Cách đánh giá tiêu chí

Tiêu chí này đạt yêu cầu khi:

- Số tuyến đường xã, thôn, bản có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến đạt tỷ lệ 60%.

- Không có cơ sở sản xuất kinh doanh (*chăn nuôi, chế biến thực phẩm, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán phế liệu*) gây ô nhiễm môi trường; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện cam kết và xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường và đảm bảo bền vững.

- Tại các khu dân cư thôn, xã không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan;

1.2. Cách tính:

- Tỷ lệ chiều dài tuyến đường trong xã có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến = (tổng chiều dài tuyến đường trong xã có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến/tổng chiều dài tuyến đường trong xã) x 100.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện cam kết và xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường và đảm bảo bền vững = (số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện cam kết và xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường và đảm bảo bền vững/ số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã) x 100.

1.3. Giải pháp thực hiện để đạt được Chỉ tiêu

Các xã lập phương án và tổ chức thực hiện xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hoá của địa phương mình, bao gồm:

a. Đối với số tuyến đường xã, thôn, bản có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến đạt tỷ lệ 60%.

- Tăng cường trồng cây xanh ưu tiên trồng cây xanh, đào rãnh thoát nước ở dọc các tuyến đường giao thông trục chính trên địa bàn xã; các địa điểm công cộng như trụ sở xã, nhà trẻ, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hoá thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ; Lập danh sách thống kê tổng chiều dài các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã đã có rãnh thoát nước và số cây đã có, mới trồng thêm (đảm bảo sống được) để phục vụ việc đánh giá kết quả thực hiện đối với chỉ tiêu này.

- Không gian xanh trong nông thôn mới được gắn kết với nhau bằng dải cây xanh liên tục trên các đường liên xã, liên thôn và nội đồng;

- Việc trồng cây xanh không để ảnh hưởng đến giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khoẻ con người); không trồng các loại cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định.

+ Tuyên truyền vận động các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào; cải tạo công ngõ không để đường xá lầy lội; lập danh sách các hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào để phục vụ việc đánh giá kết quả thực hiện đối với chỉ tiêu này.

+ Thường xuyên theo dõi giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn; lập danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh có trên địa bàn, yêu cầu các cơ sở ký cam kết và thực hiện cam kết xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường và đảm bảo bền vững.

b. Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái

Hệ thống ao, hồ sinh thái trong khu dân cư phải đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:

- Tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp;

- Có khả năng phát triển chăn nuôi, thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế;
- Nạo vét, tu bổ ao, hồ thường xuyên nhằm tạo không gian cảnh quan sinh thái và điều hoà môi trường, có rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân.

c. Đối với đường làng ngõ xóm

- Các tuyến đường đã được bê tông hoá hoặc rải cấp phối, đảm bảo không lầy lội khi có mưa; được trồng cây xanh và đào rãnh thoát nước đảm bảo đạt 60% tuyến đường.

- Đã xây dựng hương ước về giữ gìn vệ sinh chung trong xã và các hộ gia đình, tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ.

- Các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh.

d. Đối với khu vực công cộng

- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông ...) không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường;

- Tăng cường cải tạo đường giao thông, rãnh thoát nước, ao, hồ, khu vực công cộng ... thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng.

2. Chỉ tiêu 15.4: Lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đúng quy định

Tiêu chí này đạt khi:

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đúng quy định đạt từ 70% trở lên.

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt 50% trở lên.

- Xã có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

2.1. Cách tính:

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom = (số hộ thực hiện thu gom xử lý rác thải theo đúng quy định/tổng số hộ gia đình hiện có trên địa bàn xã) x 100.

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp = (số hộ gia đình thực hiện phân loại, áp dụng biện pháp xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp/tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện thu gom rác thải) x 100.

2.2. Giải pháp thực hiện để đạt được Chỉ tiêu

Xây dựng phương án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh, trong đó nêu rõ:

- Đối với các hộ nằm trong tuyến đường thu gom rác thải chung của huyện, thành phố tự thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt vận chuyển đến nơi tập kết (điểm thu gom tập trung) để Đội môi trường đô thị thực hiện thu gom xử lý.

Phải có phương án cụ thể về tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư; vị trí các điểm trung chuyển (nếu có);

- Các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, địa bàn phân tán: không có điều kiện thu gom tập trung phải tự thu gom, xử lý rác thải theo hình thức đào hố chôn lấp tại chỗ đảm bảo vệ sinh, không đổ chất thải ra đường, ao, hồ, sông, suối, kênh rạch.

- Phải lập danh sách: các hộ gia đình, cụm nhóm hộ gia đình được thu gom rác thải nằm trong tuyến đường thu gom rác thải chung của huyện, thành phố; các hộ gia đình (hoặc cụm hộ gia đình) tự thu gom xử lý rác thải theo hình thức đào hố để phục vụ việc đánh giá mức độ đạt được của chỉ tiêu này.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình cần được phân loại, thu gom và xử lý, khuyến khích thực hiện theo hình thức:

+ Chất thải hữu cơ: dùng cho chăn nuôi gia súc, xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp;

+ Chất thải vô cơ: Chuyển giao để xử lý tập trung (tái chế, chôn lấp...);

- Đối với nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh: thực hiện theo quy định tại chỉ tiêu 15.2.

- Xây dựng mô hình bảo vệ môi trường, gồm: Hợp tác xã; tổ hợp tác; tổ đội; nhóm tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; thành lập các câu lạc bộ tuyên truyền về bảo vệ môi trường, có hình thức tuyên truyền hiệu quả thu hút được sự quan tâm, tham gia của cộng đồng.

3. Chỉ tiêu 15.6: Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

Tiêu chí này đạt khi tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã đạt từ 90% trở lên.

3.1. Cách tính:

Tỷ lệ hộ chăn nuôi trên địa bàn xã có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường = (số hộ thực hiện chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã) x 100.

3.2. Các giải pháp thực hiện để đạt chỉ tiêu

a) Đối với các hộ gia đình chăn nuôi ở quy mô nhỏ lẻ: chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường với các nội dung chính như sau:

- Nằm cách xa với nhà ở, đầu nguồn nước, cụ thể:

+ Phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5 m, cuối hướng gió và phải có hố chứa phân, rác, thoát nước thải và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Đối với chăn nuôi lợn: Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 01 km (theo quy định của QCVN 01-14:2010/BTNMT);

+ Đối với chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò, ngựa, dê): Khoảng cách từ trang

trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 200m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 500m (theo quy định của TCVN 9121:2012).

+ Đối với chăn nuôi gia cầm: Cơ sở chăn nuôi gia cầm phải xây dựng cách biệt, cách xa bệnh viện, trường học, chợ, công sở và khu dân cư đông người và đường giao thông liên tỉnh, liên huyện ít nhất 100 m (theo quy định của QCVN 01-15:2010/BNNPTNT).

+ Được vệ sinh định kỳ và đảm bảo phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;

+ Không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh;

+ Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải (làm hồ xử lý phân, hầm Biogas); phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh; xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh

b) Đối với các trang trại chăn nuôi của các tổ chức cá nhân ở quy mô vừa và quy mô lớn và thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường:

- Phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, thực hiện đầy đủ việc quan trắc môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt;

- Đối với các cơ sở có Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt và đã đi vào hoạt động phải có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, giấy phép xả thải nước thải vào nguồn nước và các giấy phép có liên quan trong trường hợp thuộc các đối tượng quy định các văn bản pháp luật;

- Đối với các cơ sở chăn nuôi có lượng chất thải nguy hại phát sinh trên 600 kg/năm phải có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

- Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT không để chất thải chăn nuôi chưa được xử lý xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

- Vật nuôi phải được tiêm phòng đầy đủ theo đúng quy định.

- Ngoài các nội dung nêu trên các cơ sở nuôi trồng thủy sản cần phải tuân thủ:

+ Nằm trong quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định của Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

III. Các nhiệm vụ chung cần thực hiện để đạt tiêu chí

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức và trách

nhiệm bảo vệ môi trường, kiến thức phân loại rác, xử lý rác cho từng hộ gia đình.

- Tập trung xử lý các điểm, cơ sở, khu vực gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là các điểm, cơ sở, khu vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương. Tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình làm nhà tiêu, hố rác hợp vệ sinh, di chuyển chuồng trại ra xa nhà ở làm hố xử lý phân, hầm Biogas.

- Lập và triển khai các quy hoạch.

- Thường xuyên theo dõi giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; các khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; yêu cầu các cơ sở nêu trên thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư đầy đủ các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và vành đai cây xanh.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản.

- Di dời các làng nghề ô nhiễm vào khu quy hoạch, hướng dẫn áp dụng các công nghệ, thiết bị xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.

- Tái chế, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

- Triển khai thực hiện tốt phân loại chất thải rắn tại nguồn kết hợp với việc cải tiến toàn bộ hệ thống thu gom - vận chuyển - xử lý chất thải rắn.

- Xử lý dứt điểm các bãi rác quá tải, gây ô nhiễm và đầu tư nhà máy xử lý rác hiện đại.


- Tăng cường các hoạt động kiểm soát ô nhiễm; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chủ động phòng, chống và giảm thiểu các sự cố môi trường và các tai biến tự nhiên; khắc phục có hiệu quả các tác hại do sự cố môi trường và thiên tai gây ra.

- Phát triển các hệ thống cung cấp nước sạch và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn.

- Triển khai chương trình tín dụng ưu đãi đầu tư cho bảo vệ môi trường và xã hội hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường. Phát triển thể chế, chính sách, tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

IV. Giải pháp chung để thực hiện tiêu chí

1. Huy động nhiều nguồn lực: vốn Trung ương, vốn tài trợ, ngân sách địa phương (theo tinh thần Quyết định 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và VSMT nông thôn đến năm 2020) vốn dân và xã hội hóa đầu tư lĩnh vực cấp nước (theo tinh thần Quyết định 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn) để đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo các công trình cấp nước tập trung, các công trình vệ sinh trường học, chợ, trụ sở UBND xã, thị trấn đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia; 

2. Xây dựng cơ chế, phương án, giải pháp thực hiện chỉ tiêu Cơ sở sản xuất, kinh doanh xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn về môi trường; Các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có đầy đủ thủ tục pháp lý về môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện đầu tư, vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại và giám sát chất lượng môi trường định kỳ;

- Thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, công nghệ hiện đại trong sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng để vận động chủ cơ sở sản xuất kinh doanh dần thay đổi công nghệ cũ, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, tiên tiến trong sản xuất, tận dụng, tái sử dụng chất thải để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, an toàn sinh học, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, gia tăng tỷ lệ thu hồi các bao bì, chai lọ hóa chất bảo vệ thực vật, áp dụng theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP. Khuyến khích chăn nuôi trang trại và hạn chế dần chăn nuôi nhỏ lẻ khó kiểm soát nguồn phát sinh ô nhiễm. Tổ chức sắp xếp lại các làng nghề, di dời các cơ sở nằm xen kẽ khu dân cư, đi đôi với hình thành các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có đầy đủ hạ tầng bảo vệ môi trường để đảm bảo các điều kiện về xử lý môi trường tập trung;

- Yêu cầu khắc phục nhanh tình trạng ô nhiễm môi trường, sử dụng biện pháp đình chỉ hoạt động một phần hoặc toàn bộ quá trình sản xuất đối với những doanh nghiệp có tình không thực hiện xử lý các chất thải hoặc những doanh nghiệp có tổng lượng chất thải lớn và bị khiếu nại nhiều lần.

V. Tổ chức thực hiện

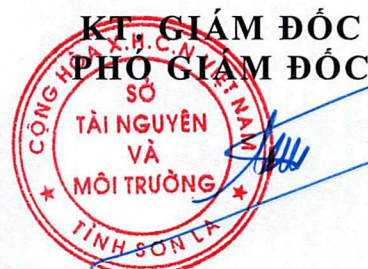
1. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng ban, chức năng tuyên truyền, thực hiện các nội dung hướng dẫn; bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện đúng các yêu cầu của Tiêu chí; tổ chức kiểm tra, đánh giá, nhân rộng các bài học kinh nghiệm tốt để các địa phương học hỏi, ứng dụng;

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố có trách nhiệm là cơ quan đầu mối tổng hợp, đánh giá việc thực hiện các nội dung thuộc Tiêu chí số 15 (về Môi trường) theo Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 và gửi Báo cáo (hàng tháng, 06 tháng, năm) về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban giám đốc Sở;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, QLMT, Trung (07), 50b.



Đỗ Văn Trụ